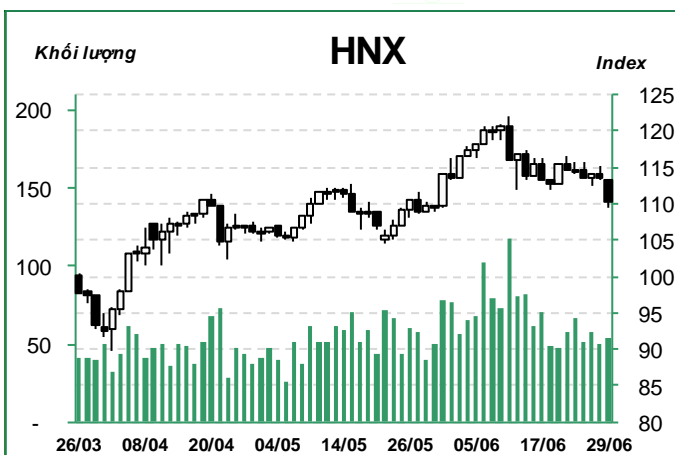
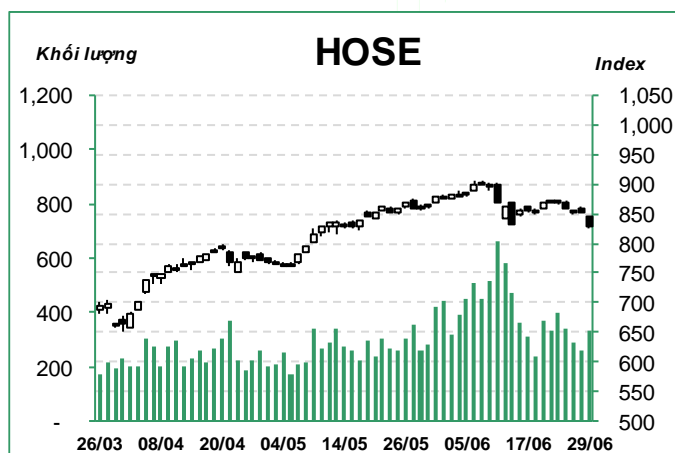


Tổng quan thị trường

29/06/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá trị đóng cửa	829.36	-2.65%	774.81	-2.60%	110.32	-2.76%
Cuối tuần trước	851.98	-2.65%	795.53	-2.60%	113.45	-2.76%
Trung bình 20 ngày	866.80	-4.32%	809.39	-4.27%	115.61	-4.57%
Tổng KLGD (triệu cp)	389.64	29.71%	127.82	74.26%	60.25	5.87%
KLGD khớp lệnh	335.62	29.76%	97.11	81.03%	53.41	6.20%
Trung bình 20 ngày	403.74	-16.87%	113.72	-14.60%	68.48	-22.01%
Tổng GTGD (tỷ đồng)	5,564.16	29.85%	2,823.04	59.21%	586.62	23.24%
GTGD khớp lệnh	4,417.00	42.65%	2,215.87	76.17%	482.76	27.45%
Trung bình 20 ngày	5,180.79	-14.74%	2,479.96	-10.65%	630.66	-23.45%
	Tỷ trọng		Tỷ trọng		Tỷ trọng	
Số mã tăng	53	12%	2	7%	45	13%
Số mã giảm	358	82%	28	93%	124	35%
Số mã đứng giá	28	6%	0	0%	190	53%



Thị trường chứng khoán Châu Á cũng như chứng khoán Việt Nam đồng loạt sụt giảm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần khi nhà đầu tư đón nhận thông tin số ca nhiễm Covid-19 trên thế giới cuối tuần qua đã vượt trên mức 10 triệu người. Qua đó làm tăng mối lo ngại về sự bùng phát trở lại của dịch bệnh này. Bên cạnh đó, tăng trưởng GDP quý 2 chỉ đạt 0.36%YoY – mức thấp nhất trong 1 thập kỷ qua cũng ảnh hưởng đến tâm lý chung của thị trường.

Chốt phiên, VN-Index mất hơn 22 điểm khi đóng cửa tại mức 829.36 (-2.65%). Áp lực mạnh khiến thanh khoản gia tăng so với phiên trước. KLGD khớp lệnh đạt 335.6 triệu cổ phiếu (+29.8%), tương đương 4,417 tỷ đồng giá trị (+42.7%). Độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về bên bán với 358 mã giảm điểm và chỉ có 53 mã tăng.

Sắc đỏ lan tỏa ở hầu hết các nhóm ngành trên sàn. Với những cổ phiếu gây áp lực nhiều nhất cho chỉ số là Vingroup-VIC (-2.7%), Vietcombank-VCB (-2.2%), BIDV-BID (-3.5%) và Vinhomes-VHM (-2.1%). Ở chiều ngược lại, Tài chính Hoàng Huy-TCH (+5.5%), Eximbank-EIB (+1.4%), Cotecons-CTD (+4.8%) và Tổng Công ty Viglacera-VGC (+2.4%) là động lực nâng đỡ chỉ số.

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng 168.1 tỷ đồng (+768.1%) trên sàn HoSE. Trong đó, áp lực bán tập trung chủ yếu ở các cổ phiếu Vinamilk-VNM (-66.1 tỷ), Chứng khoán SSI-SSI (-36.0 tỷ), Vingroup-VIC (-19.5 tỷ). Trái lại, những cổ phiếu được khối ngoại mua ròng là Vinhomes-VHM (+25.4 tỷ), Thiết bị điện Việt Nam-GEX (+20.1 tỷ), Hòa Phát-HPG (+6.6 tỷ).

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index cũng có xu hướng tương tự khi giảm 2.76% và đóng cửa tại mức 110.32 điểm. KLGD khớp lệnh đạt 53.4 triệu cổ phiếu (+6.2%), tương đương 482.8 tỷ đồng giá trị (+27.5%).

Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
HOSE		
EIB	27,644.0	482.88
GEX	4,442.5	77.79
KBC	3,600.0	54.00
GMD	1,841.0	36.08
TCB	1,651.4	35.73
KDC	1,211.6	33.92
NVL	530.0	33.31
VCB	342.2	27.96
VGC	1,225.0	23.15
APG	2,150.0	20.48
HNX		
DNP	1,900.0	31.35
S99	2,288.0	31.35
VC3	1,888.9	30.79
THD	150.0	5.13
CEO	570.0	4.56
ACB	26.0	0.60
V21	12.0	0.06
KLF	6.5	0.02

Trong đó, Ngân hàng SHB-SHB (-6.4%), Ngân hàng Á Châu-ACB (-3.0%), Vinaconex-VCG (-6.0%) hay Vicostone-VCS (-2.6%) có tác động tiêu cực nhất. Ở chiều ngược lại, Bến xe ĐLGL-DL1 (+10.0%), Thaiholdings-THD (+10.0%), Khách sạn Đại Dương-OCH (+9.1%) là những cổ phiếu tăng khá tốt, tuy nhiên lại không có thanh khoản.

Khối ngoại tiếp tục giữ vị thế bán ròng trên sàn Hà Nội với giá trị 3.2 tỷ đồng (-21.3%). Với các cổ phiếu bị bán nhiều nhất là Vinaconex-VCG (-1.3 tỷ), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (-1.2 tỷ), Bía Hà Nội - Hải Dương-HAD (-0.8 tỷ). Trong khi đó, Vicostone-VCS (+0.3 tỷ), Chứng khoán Artex-ART (+0.3 tỷ), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.2 tỷ) là những cổ phiếu được khối này mua vào.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm thứ năm liên tiếp. Khối lượng giao dịch gia tăng lên trên mức bình quân 10 phiên hàm ý áp lực bán đang gia tăng. Không những vậy, chỉ số đang nằm trong xu hướng giảm ngắn hạn, khi chum MA5,10,20 đang cho tín hiệu phân kỳ âm tiêu cực, kèm theo chỉ báo xu hướng ADX nằm trên vùng 23 và đường -DI đang nói rộng khoảng cách lên phía trên so với đường +DI, cho thấy xu hướng điều chỉnh đang mạnh lên. Thêm vào đó, chỉ báo MACD và RSI đang đi xuống tiêu cực, cho thấy áp lực giảm đang tăng. Trong trường hợp, chỉ số không thể giữ được trên MA100 thì chỉ số có thể sẽ suy giảm về vùng hỗ trợ tâm lý 800 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên giảm điểm mạnh thủng MA50 và duy trì dưới MA20, cho thấy áp lực giảm ngắn hạn đang mạnh lên, chỉ số có thể sớm chịu sức ép về thử thách ngưỡng hỗ trợ quanh 108 điểm (MA100). Nhìn chung, thị trường vẫn đang chịu áp lực điều chỉnh ngắn hạn và hướng về các ngưỡng hỗ trợ thấp hơn. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên giữ tỷ trọng danh mục ở mức an toàn nhằm tránh các biến động bất ngờ từ thị trường.

Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

HOSE

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BCG	6.6	1,029.5	7.0%
BRC	10.8	0.0	7.0%
TNC	22.5	0.0	6.9%
DAT	10.9	0.0	6.9%
PSH	23.4	38.0	6.9%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
POM	5.6	23.9	-7.0%
CMX	15.3	573.3	-7.0%
CKG	10.7	719.4	-7.0%
TSC	2.8	2,031.0	-7.0%
HVH	8.7	303.5	-7.0%

Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	26.7	329.4	-2.0%
VNM	111.9	169.9	-2.2%
HSG	11.8	153.0	-3.7%
STB	11.0	145.1	-3.1%
SSI	14.8	112.6	-4.5%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HQC	1.7	19,843.1	-6.5%
ROS	3.0	18,271.7	-2.6%
ITA	4.7	18,191.1	-6.9%
FLC	3.9	14,279.5	-6.9%
STB	11.0	13,159.5	-3.1%

HNX

Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VIG	0.9	503.6	12.5%
LO5	3.3	11.1	10.0%
DL1	26.4	1.0	10.0%
THD	34.2	0.5	10.0%
HTC	24.3	25.0	10.0%

Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
NHP	0.6	486.2	-14.3%
BTW	27.1	0.1	-10.0%
API	9.1	0.1	-9.9%
SSM	6.4	0.7	-9.9%
C69	5.5	203.6	-9.8%

Top 5 giá trị

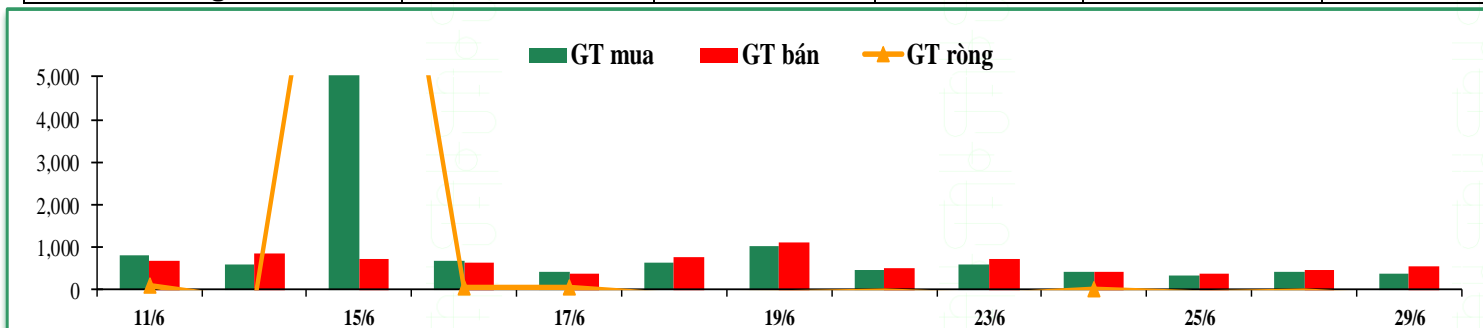
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	22.9	100.5	-3.0%
PVS	12.0	44.0	-3.2%
SHS	11.8	42.6	-7.8%
NVB	8.7	29.0	1.2%
SHB	13.1	24.2	-6.4%

Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HUT	2.7	7,082.9	-6.9%
ACB	22.9	4,353.3	-3.0%
KLF	2.0	3,804.8	-4.8%
PVS	12.0	3,642.8	-3.2%
SHS	11.8	3,554.8	-7.8%

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	357.0	8.1%	525.1	11.9%	-168.1
HNX	2.4	0.5%	5.6	1.2%	-3.2
Tổng số	359.4		530.7		-171.3



HOSE

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	26.7	69.4	-2.0%
VCB	81.5	43.6	-2.2%
VHM	74.0	30.8	-2.1%
VNM	111.9	25.6	-2.2%
GEX	16.2	20.9	-6.1%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	111.9	91.6	-2.2%
HPG	26.7	62.8	-2.0%
VCB	81.5	47.6	-2.2%
SSI	14.8	37.7	-4.5%
VIC	89.0	29.6	-2.7%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VHM	74.0	25.4	-2.1%
GEX	16.2	20.1	-6.1%
HPG	26.7	6.6	-2.0%
HBC	10.0	4.6	-6.5%
BMP	52.8	4.5	-3.1%

HNX

Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	61.0	0.3	-2.6%
ART	2.7	0.3	-3.6%
IDV	37.8	0.2	-1.1%
BVS	9.9	0.2	-2.0%
MBG	4.8	0.2	-7.7%

Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCG	26.4	1.4	-6.1%
SHS	11.8	1.2	-7.8%
HAD	13.0	0.9	-5.8%
PVS	12.0	0.6	-3.2%
PSD	9.5	0.5	-1.0%

Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	61.0	0.3	-2.6%
ART	2.7	0.3	-3.6%
IDV	37.8	0.2	-1.1%
MBG	4.8	0.2	-7.7%
PMC	52.5	0.1	-2.8%

Tin trong nước

Giá xăng dầu, giá thịt lợn đẩy CPI lên cao nhất từ 2016

Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê công bố sáng nay (19/6), CPI bình quân 6 tháng đầu năm tăng 4,19%, trong đó khu vực thành thị tăng 3,76% và khu vực nông thôn tăng 4,61%. Đồng thời, CPI tháng 6 cũng ghi nhận mức tăng gần 1%.

Nguyên nhân khiến CPI tháng 6 tăng là do giá xăng dầu tăng cao 3 đợt liên tiếp sau thời gian giảm kéo dài kể từ Tết Nguyên đán theo giá dầu thế giới. Đặc biệt, việc điều chỉnh giá xăng dầu tăng gồm xăng A95, xăng E5 hay dầu diesel lần lượt là 1.850 đồng, 1.870 đồng và 1.660 đồng ngày 28/5 đã làm CPI tháng 6 tăng hơn 14%.

Đồng thời, giá thịt lợn cũng là nguyên nhân đẩy CPI lên cao. Việc Chính phủ cho phép nhập khẩu thịt lợn sống đã tìm được giá lợn hơi giảm 2.000-10.000 đồng/kg nhưng giá bán lẻ thịt lợn vẫn tăng, gần 3,4%.

Ngoài ra, 7/11 số nhóm hàng hóa chính tăng cao tác động đến CPI còn phải kể đến sự biến động của giá vàng trong nước theo giá vàng thế giới, tăng 1,71% so với tháng trước và dao động ở mức 48,99 – 49,36 triệu đồng/lượng (mua vào - bán ra) tại phiên sáng nay. Căng thẳng Mỹ - Trung, ảnh hưởng của dịch Covid-19 và việc biểu tình tại Mỹ khiến vàng tiếp tục trở thành kênh đầu tư an toàn.

GDP tăng trưởng thấp nhất lịch sử thống kê

Theo số liệu được Tổng cục Thống kê (GSO) công bố tại họp báo sáng 29/6, tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn nền kinh tế ước đạt 1,81% trong 6 tháng đầu năm (riêng quý II tăng 0,36%).

Động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế trong quý II là khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng gần 3%, đóng góp vào hơn 73% tăng trưởng của toàn nền kinh tế. Tiếp đến, khu vực dịch vụ tăng trưởng gần 1%, đóng góp gần 15% và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng hơn 1%, đóng góp vào tăng trưởng gần 12%.

Mới đây IMF cũng điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam chỉ còn 2,7% và sẽ lấy lại đà tăng trưởng 7% vào 2021. Đồng thời, ADB cũng có động thái tương tự, điều chỉnh giảm 0,7 điểm phần trăm, xuống mức 4,1% cho cả năm nay.

Tin doanh nghiệp niêm yết

Viglacera chia cổ tức tiền mặt 11%

Tổng Công ty Viglacera (HoSE: VGC) thông báo chốt danh sách cổ đông thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 11% (1 cổ phiếu được nhận 1.100 đồng). Với hơn 448 triệu cổ phiếu đang lưu hành, công ty dự chi số tiền 493 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 8/7, ngày giao dịch không hưởng quyền 7/7. Thời gian thanh toán dự kiến 20/7.

Năm ngoái, tổng công ty này ghi nhận doanh thu 10.146 tỷ đồng, tăng 15% so với năm trước đó. Lợi nhuận sau thuế đạt 759 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ, trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt gần 652 tỷ đồng.

Tính riêng quý I, doanh nghiệp ghi nhận doanh thu 2.374 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận trước thuế là 220 tỷ đồng, giảm 2%. Như vậy, công ty hoàn thành 29% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.

Hiện nay Viglacera và Gelex đang phối hợp với nhau với mục tiêu trở thành nhà phát triển khu công nghiệp lớn nhất Việt Nam. Hai bên đang triển khai các thủ tục pháp lý để mở rộng dự án 100 ha tại Tây Ninh lên 600 ha, đã mua khu công nghiệp Long Sơn 800 ha tại Bà Rịa - Vũng Tàu. Riêng Viglacera hiện sở hữu 12 khu công nghiệp ở miền Bắc với tổng quỹ đất hơn 5.000 ha.

Hợp ĐHĐCĐ Digiworld: Ước lợi nhuận nửa đầu năm tăng 48%, tập trung phát triển theo 'hàng ngang'

Kế hoạch lợi nhuận tăng trưởng 24%

Năm 2020, Digiworld trình cổ đông kế hoạch doanh thu 10.200 tỷ đồng, tăng 20% so với năm trước. Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế là 202 tỷ đồng, tăng 24% so với kết quả năm 2019.

Năm ngoái doanh nghiệp ghi nhận doanh thu tăng 43% đạt 8.488 tỷ đồng và lợi nhuận tăng 49% lên 163 tỷ đồng. Trong đó, mảng kinh doanh điện thoại vẫn đạt doanh số lớn gần 3.900 tỷ đồng. Mảng kinh doanh máy tính xách tay tăng trưởng 24% lên 2.975 tỷ đồng dù thị trường đã bão hòa. Mảng kinh doanh thiết bị văn phòng tăng 23% lên 1.362 tỷ đồng. Mảng hàng tiêu dùng tăng 231% đạt 255 tỷ đồng nhưng chỉ thực hiện 73% kế hoạch năm.

Với kết quả đạt được, Digiworld trình phương án chia cổ tức 10% bằng tiền mặt cho năm 2019 (1 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng), tương đương tổng số tiền dự chi 43 tỷ đồng.

Về phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) năm 2020, Digiworld muốn phát hành 1,2 triệu cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng/cp, tạm tính thu về 12 tỷ đồng. Cổ phiếu ESOP sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 1 năm với 50% số lượng phát hành.

Công ty còn thực hiện phát hành quyền chọn mua cổ phần cho người lao động với khối lượng 500.000 cổ phiếu. Giá thực hiện 40.000 đồng/cp. Thị giá DGW trên thị trường hiện trên 36.000 đồng/cp.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	LAS	Bán	30/06/20	5.9	6	-1.7%	7.1	18%	5.7	-5%	Cổ phiếu suy giảm mạnh
2	HND	Bán	30/06/20	17.1	17.2	-0.6%	19.7	14.5%	16.4	-4.7%	Xu hướng yếu đi
3	HPG	Bán	30/06/20	26.7	27.3	-2.4%	33	20.9%	26.3	-3.7%	Tín hiệu suy giảm

Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	TLG	Mua	26/06/20	33.65	33.5	0.4%	38.2	14%	32.1	-4%	
2	NT2	Mua	29/06/20	21.35	21.9	-2.5%	24.2	11%	21.2	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 29/06/2020									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,660	12.9 %	8%	5,179	170	70,000	248	(1,412)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2002	2,900	1,190	-7.0 %	-59%	271	23	46,050	(0)	(1,190)	VCI	FPT	58,000	2	22/07/2020
CFPT2003	7,300	8,800	-7.6 %	21%	2,263	133	46,050	797	(8,003)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2004	5,100	5,870	-11.5 %	15%	2,200	42	46,050	6	(5,864)	SSI	FPT	50,000	1	10/08/2020
CFPT2005	2,900	4,960	-14.2 %	71%	4,383	2	46,050	-	(4,960)	VND	FPT	49,000	1	01/07/2020
CFPT2006	1,500	1,480	-8.6 %	-1%	1,142	122	46,050	715	(765)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CHPG2005	2,100	7,480	-8.2 %	256%	6,700	94	26,650	7,811	331	VND	HPG	19,000	1	01/10/2020
CHPG2006	1,500	2,960	-7.5 %	97%	253	79	26,650	2,394	(566)	KIS	HPG	22,020	2	16/09/2020
CHPG2007	1,660	3,790	-14.5 %	128%	12,103	17	26,650	3,686	(104)	KIS	HPG	22,999	1	16/07/2020
CHPG2008	4,100	3,200	-10.9 %	-22%	12,056	154	26,650	1,090	(2,110)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	2,850	-9.5 %	78%	10,198	122	26,650	2,229	(621)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CMBB2002	1,300	620	-29.6 %	-52%	43,123	42	16,850	9	(611)	SSI	MBB	18,000	1	10/08/2020
CMBB2003	2,000	1,560	-13.3 %	-22%	7,815	133	16,850	382	(1,178)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020
CMBB2004	1,100	180	-59.1 %	-84%	150,584	2	16,850	0	(180)	VND	MBB	17,000	1	01/07/2020
CMBB2005	2,000	730	-11.0 %	-64%	1,432	119	16,850	39	(691)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,130	-12.4 %	3%	3,810	122	16,850	483	(647)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMSN2001	2,300	1,060	-19.1 %	-54%	1,226	170	55,100	114	(946)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2002	2,000	920	-24.0 %	-54%	3,471	79	55,100	11	(909)	KIS	MSN	62,999	4	16/09/2020
CMSN2003	1,900	70	-30.0 %	-96%	28,531	17	55,100	(0)	(70)	KIS	MSN	69,999	2	16/07/2020
CMSN2004	1,980	1,070	-15.1 %	-46%	13,598	67	55,100	294	(776)	MBS	MSN	55,000	5	04/09/2020
CMSN2005	2,100	1,060	-10.9 %	-50%	1,200	122	55,100	164	(896)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CMWG2002	1,950	30	0 %	-98%	4,806	11	81,500	(0)	(30)	MBS	MWG	110,000	10	10/07/2020
CMWG2005	2,500	3,860	-14.2 %	54%	839	94	81,500	212	(3,648)	VND	MWG	92,000	2	01/10/2020
CMWG2006	2,000	790	-11.2 %	-61%	73	119	81,500	5	(785)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	9,070	-14.5 %	-30%	1,435	154	81,500	3,189	(5,881)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	850	-17.5 %	-35%	4,689	120	81,500	273	(577)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CNVL2001	2,300	2,110	7.7 %	-8%	39,688	170	62,200	261	(1,849)	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CPNJ2002	2,400	1,570	-19.5 %	-35%	645	94	57,500	16	(1,554)	VND	PNJ	69,000	2	01/10/2020
CPNJ2003	2,000	370	-14.0 %	-82%	720	119	57,500	3	(367)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2004	1,000	340	-22.7 %	-66%	12,671	50	57,500	0	(340)	MBS	PNJ	67,000	5	18/08/2020
CPNJ2005	1,000	670	-17.3 %	-33%	2,861	122	57,500	168	(502)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CREE2002	1,800	40	-85.7 %	-98%	3,986	2	30,700	(0)	(40)	VND	REE	32,000	1	01/07/2020
CREE2003	1,000	810	-3.6 %	-19%	641	122	30,700	348	(462)	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CROS2002	1,000	1,070	-1.8 %	7%	1,026	170	2,990	0	(1,070)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	650	-12.2 %	-78%	220	170	13,900	2	(648)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	1,760	-7.9 %	4%	4,780	170	10,950	402	(1,358)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2003	1,360	1,600	-5.3 %	18%	23,844	79	10,950	283	(1,317)	KIS	STB	11,111	1	16/09/2020
CSTB2004	1,400	1,620	-10.5 %	16%	13,958	154	10,950	678	(942)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020
CTCB2003	2,000	710	-13.4 %	-65%	628	119	19,650	10	(700)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2004	1,050	1,670	-12.1 %	59%	22,612	50	19,650	1,363	(307)	MBS	TCB	17,000	2	18/08/2020
CTCB2005	3,000	1,920	-11.1 %	-36%	1,660	154	19,650	365	(1,555)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,700	-10.5 %	42%	501	122	19,650	1,017	(683)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CVHM2001	3,100	1,250	-8.8 %	-60%	3,332	170	74,000	70	(1,180)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	9,270	-9.9 %	-19%	1,315	154	74,000	3,201	(6,069)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	1,190	-9.2 %	19%	12,291	122	74,000	605	(585)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVIC2002	1,350	70	-50.0 %	-95%	35,749	17	89,000	(0)	(70)	KIS	VIC	108,888	5	16/07/2020
CVJC2001	2,400	640	0 %	-73%	756	170	106,800	0	(640)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	1,190	3.5 %	-37%	84	122	106,800	111	(1,079)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVNM2003	1,450	2,290	-9.5 %	58%	19,956	67	111,900	1,847	(443)	MBS	VNM	94,000	10	04/09/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2004	17,500	13,420	-13.7 %	-23%	977	154	111,900	3,243	(10,177)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	1,930	-11.5 %	29%	4,580	122	111,900	1,077	(853)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVPB2003	2,200	720	-30.8 %	-67%	5,369	23	21,000	5	(715)	VCI	VPB	22,000	1	22/07/2020
CVPB2005	1,510	1,300	-21.7 %	-14%	23,985	50	21,000	807	(493)	MBS	VPB	19,500	2	18/08/2020
CVPB2006	3,400	1,860	-19.8 %	-45%	2,200	154	21,000	449	(1,411)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	1,000	-20.6 %	-41%	6,945	122	21,000	279	(721)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVRE2003	3,000	830	-7.8 %	-72%	15,962	170	25,400	10	(820)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020
CVRE2004	1,940	220	-37.1 %	-89%	10,858	17	25,400	(0)	(220)	KIS	VRE	29,999	1	16/07/2020
CVRE2005	4,000	2,680	-10.1 %	-33%	3,466	154	25,400	755	(1,925)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,170	-11.4 %	6%	119	122	25,400	736	(434)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
ANV (New)	HOSE	16,750	19,728	25/06/2020	315	2,474	21,175	12%	8%	8.0	0.9	10%
PVD (New)	HOSE	10,100	10,500	23/06/2020	68	163	33,029	0%	0%	64.4	0.3	0%
MPC (New)	UPCOM	26,100	32,600	12/06/2020	482	2,449	26,670	9%	5%	12.3	1.1	50%
PLX (New)	HOSE	44,500	50,160	09/06/2020	2,166	1,674	18,941	9%	4%	30.0	2.7	20%
OIL	UPCOM	7,900	7,870	01/06/2020	(23)	-	9,887	-	-	-	0.8	0%
VNM	HOSE	111,900	137,000	28/05/2020	10,551	6,057	15,716	39%	22%	22.8	8.8	50%
GEG	HOSE	20,900	23,400	22/05/2020	321	1,184	12,652	10%	4%	17.6	1.9	-
NVL	HOSE	62,200	62,430	22/05/2020	2,993	3,122	25,625	11%	3%	20.3	2.1	-
MWG	HOSE	81,500	107,800	21/05/2020	3,073	6,782	28,975	23%	7%	15.9	3.7	15%
HDB	HOSE	24,700	29,600	19/05/2020	3,985	4,126	24,855	16%	2%	7.2	1.2	0%
BSR	UPCOM	6,800	5,900	14/05/2020	(449)	-	10,552	-1%	-1%	-	0.6	0%
POW	HOSE	9,800	12,800	14/05/2020	2,628	960	12,601	8%	5%	10.9	1.0	0%
MSN	HOSE	55,100	67,300	13/05/2020	3,026	2,589	47,137	7%	3%	26.0	1.4	-
DGW	HOSE	35,800	31,500	29/04/2020	222	5,305	26,834	20%	8%	5.9	1.2	20%
IMP	HOSE	56,600	55,000	17/04/2020	209	4,180	32,793	13%	10%	13.2	1.7	20%
PNJ	HOSE	57,500	79,500	16/04/2020	1,194	5,301	23,250	23%	13%	15.0	3.4	8%
FPT	HOSE	46,050	52,300	15/04/2020	4,444	4,832	17,843	24%	12%	11.0	2.9	20%
VRE	HOSE	25,400	34,200	10/04/2020	3,127	1,420	12,891	11%	8%	23.3	2.4	-
HVN	HOSE	24,900	14,500	08/04/2020	538	231	13,139	3%	1%	62.8	1.1	0%
GAS	HOSE	69,700	59,000	07/04/2020	7,878	3,988	25,223	15%	12%	14.7	2.3	20%

* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

** Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2019 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

Overweight (OW) =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Neutral (N) =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

Underweight (UW) =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Not Rated (NR) = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương, Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex, 19 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.